

THƯƠNG VỢ

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

- Cảm nhận được hình ảnh bà Tú : vất vả, đầm đang, thương yêu và lặng lẽ hi sinh vì chồng con.
- Thấy được tình cảm thương yêu, quý trọng của Trần Tế Xương dành cho người vợ. Qua những lời tự trào, thấy được vẻ đẹp nhân cách và tâm sự của nhà thơ.
- Nắm được những thành công về nghệ thuật của bài thơ : từ ngữ giản dị, giàu sức biểu cảm, vận dụng hình ảnh, ngôn ngữ văn học dân gian, sự kết hợp giữa giọng điệu trữ tình và tự trào.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

- Tình thương yêu, quý trọng vợ là cảm xúc có phần mới mẻ so với những cảm xúc quen thuộc trong văn học trung đại.
- Bài thơ có hai hình ảnh : hình ảnh bà Tú và hình ảnh ông Tú.
 - + Hình ảnh bà Tú được khắc họa trực tiếp với cuộc sống vất vả và đức tính đầm đang, chịu thương, chịu khó.
 - + Hình ảnh ông Tú hiện lên qua tình cảm thương yêu, quý trọng vợ, qua những lời tự trách bản thân của tác giả.
- Bài thơ thể hiện tâm sự, cuộc sống cá nhân nhưng mang ý nghĩa xã hội : phê phán thói đời "ăn ở bạc".

2. Trọng tâm bài học

a) Phân tích được hình ảnh bà Tú

- Cuộc sống vất vả, lam lũ.

- Đức tính chịu khó, đầm đang, thương chồng, thương con, hi sinh thầm lặng vì chồng con.

b) Phân tích được hình ảnh ông Tú với vẻ đẹp của tấm lòng và vẻ đẹp của nhân cách

- Tấm lòng thương yêu, quý trọng, tri ân người vợ.

– Nhân cách : tự trách mình, nhận ra khuyết điểm khuyết của bản thân lại càng thương yêu, quý trọng vợ.

c) Tài năng thơ của Trần Tế Xương trong việc sử dụng hình ảnh, ngôn ngữ văn học dân gian, ngôn ngữ đời sống, các biện pháp nghệ thuật tu từ.

– Vận dụng hình ảnh con cò trong ca dao, các thành ngữ "một duyên hai nợ", "năm nắng mười mưa", sử dụng khẩu ngữ với lời chửi.

– Sử dụng nghệ thuật đối của thơ Đường luật, nghệ thuật đảo ngữ trong hai câu 3 và 4.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Đặt bài *Thương vợ* trong đề tài viết về bà Tú của thơ Trần Tế Xương để thấy được nét chung và riêng của bài thơ.

– Hình ảnh bà Tú được khắc họa qua tình cảm thương yêu, quý trọng của Tú Xương, và ngược lại, qua tấm lòng Tú Xương đối với vợ mà thấy được vẻ đẹp nhân cách của nhà thơ.

– Khai thác sắc thái biểu cảm, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật tu từ. Chú ý nghệ thuật đối của thơ Đường luật.

– Có thể tìm hiểu bài thơ theo hai cách :

+ Theo bố cục : đề, thực, luận, kết.

+ Theo hình ảnh nhân vật : hình ảnh bà Tú ; hình ảnh nhân vật trữ tình (ông Tú).

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Trên cơ sở *Tiểu dẫn* ở SGK, GV giới thiệu ngắn gọn tác giả và đề tài bà Tú trong thơ Trần Tế Xương.

b) Gọi HS đọc bài thơ. GV nhận xét cách đọc của HS và lưu ý cách đọc phù hợp với nội dung cảm xúc (xót thương, cảm phục khi nói về nỗi vất vả, gian lao, sự đảm đang, chu đáo của bà Tú ; tự mỉa, tự trào khi nói về bản thân của ông Tú).

c) Tham khảo tiến trình tổ chức bài giảng theo hình tượng nhân vật, có kết hợp với trình tự kết cấu của bài thơ.

– Hình ảnh bà Tú qua nỗi lòng thương vợ của ông Tú.

GV lưu ý HS : Tình thương vợ sâu nặng của Tú Xương thể hiện qua sự thấu hiểu nỗi vất vả, gian truân và những đức tính cao đẹp của bà Tú.

+ Nỗi vất vả, gian truân của bà Tú :

* Câu thơ mở đầu nói hoàn cảnh làm ăn buôn bán của bà Tú. Câu vào đề như lời giới thiệu, lại như một bối cảnh làm hiện lên hình ảnh bà Tú tần tảo, tất bật ngược xuôi : "Quanh năm buôn bán ở mom sông".

Hoàn cảnh vất vả, lam lũ được gọi lên qua cách nói thời gian, cách nêu địa điểm. "Quanh năm" là suốt cả năm, không trừ ngày nào, dù mưa hay nắng. "Quanh năm" còn là năm này tiếp năm khác đến chóng mặt, đến rã rời chứ đâu phải chỉ một năm. Địa điểm bà Tú buôn bán là "mom sông" – phần đất ở bờ sông nhô ra phía lòng sông.

* Hai câu thực gợi tả cụ thể hơn cuộc sống tảo tần, buôn bán ngược xuôi của bà Tú.

Thẩm thía nỗi vất vả, gian lao của vợ, Tú Xương mượn hình ảnh con cò trong ca dao để nói về bà Tú.

Cần thấy được những sáng tạo của Tú Xương khi vận dụng hình ảnh, ngôn ngữ của văn học dân gian. Con cò trong thơ Tú Xương không chỉ xuất hiện giữa cái rợn ngợp của không gian (như con cò trong ca dao : "Con cò lặn lội bờ sông – Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non") mà còn trong cái rợn ngợp của thời gian. Chỉ bằng ba từ "khi quang vắng" tác giả đã nói lên được cả thời gian, không gian heo hút, rợn ngợp, chứa đầy lo âu, nguy hiểm. Có bản chép "nơi quang vắng", thay *khi* bằng *nơi* là đã bỏ đi cái rợn ngợp của thời gian, đã làm hao hụt cả ý thơ. Cách đảo ngữ – đưa từ *lặn lội* lên đầu câu, cách thay *con cò* bằng *thân cò* nhấn mạnh nỗi vất vả, gian truân của bà Tú, gợi nỗi đau thân phận.

* Nếu câu thơ thứ ba gợi nỗi vất vả đơn chiếc thì câu thứ tư lại làm rõ sự vật lộn với cuộc sống của bà Tú :

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Câu thơ gợi cảnh chen chúc, buơn bả trên sông nước của những người buôn bán nhỏ. Sự cạnh tranh chưa đến mức sát phạt nhau nhưng cũng không thiếu lời qua tiếng lại. "Buổi đò đông" đâu phải là ít lo âu, nguy hiểm hơn "khi quang vắng". Trong ca dao, người mẹ từng căn dặn con : "Con ơi nhớ lấy câu này – Sông sâu chờ lội, đò đầy chờ qua". "Buổi đò đông" không chỉ có những lời phàn nàn, mè néo, cáu gắt, những sự chen lấn xô đẩy mà còn chứa đầy bất trắc.

Hai câu thực đối nhau về từ ngữ ("khi quang vắng" đối với "buổi đò đông") nhưng lại thừa tiếp nhau về ý để làm nổi bật sự vất vả, gian truân của bà Tú : đã vất vả, đơn chiếc, lại thêm sự buơn bả trong cảnh chen chúc làm ăn. Hai câu thơ nói thực cảnh bà Tú đồng thời cho ta thấy thực tình của Tú Xương : tấm lòng xót thương da diết.

+ Đức tính cao đẹp của bà Tú :

* Bà Tú là người đảm đang, tháo vát, chu đáo với chồng con :

Nuôi đủ năm con với một chồng.

* Bà Tú là người giàu đức hi sinh. Trong hai câu luận, Tú Xương một lần nữa cảm phục sự quên mình của vợ :

Một duyên hai nợ âu đành phận,

Năm nắng mười mưa dám quản công.

Duyên một mà *nợ* hai nhưng bà Tú không một lời phàn nàn, lặng lẽ chấp nhận sự vất vả vì chồng con.

Ở câu thơ trên, *nắng, mưa* chỉ sự vất vả, *năm, mười* là số lượng phiếm chỉ, để nói số nhiều, được tách ra tạo nên một thành ngữ đan chéo ("năm nắng mười mưa") vừa nói lên sự vất vả gian truân, vừa thể hiện được đức tính chịu thương chịu khó, hết lòng vì chồng vì con của bà Tú.

- Hình ảnh ông Tú qua nỗi lòng thương vợ.

+ Yêu thương, quý trọng, tri ân vợ :

* Trong những bài thơ viết về vợ của Tú Xương, bao giờ ta cũng bắt gặp hình ảnh hai người : bà Tú hiện ra phía trước, ông Tú khuất lấp ở phía sau, nhìn tinh mới nhận ra.

* Ở bài thơ *Thuong vợ*, ông Tú không xuất hiện trực tiếp nhưng vẫn hiển hiện trong từng câu thơ. Dần sau cốt cách khôi hài, trào phúng là cả một tấm lòng, không chỉ thương mà còn tri ân vợ. Về câu thơ "Nuôi đủ năm con với một chồng", nhà thơ Xuân Diệu viết : "... thì ra chồng cũng là một thứ con còn dại. Đếm con, năm con, chứ ai lại đếm chồng, một chồng – tại vì phải nuôi như nuôi con cho nên mới liệt ngang hàng mà đếm để nuôi đủ, càng đọc câu thơ càng nhiều ý vị"⁽¹⁾.

+ Con người có nhân cách qua lời tự trách :

* Ông Tú không dựa vào duyên số để trút bỏ trách nhiệm. Bà Tú lấy ông là do *duyên*, nhưng *duyên* một mà *nợ* hai. Tú Xương tự coi mình là cái nợ đòi mà bà Tú phải gánh chịu. Nợ gấp đôi duyên, duyên ít nợ nhiều. Sự "hờ hững" của ông đối với vợ con cũng là một biểu hiện của "thói đòi" bạc bẽo. Câu thơ Tú Xương tự rủa mát mình cũng là lời tự phán xét, tự lên án : "Có chồng hờ hững cũng như không".

* Xã hội xưa "trọng nam khinh nữ", coi người phụ nữ là thân phận phụ thuộc : "xuất giá tòng phu" (lấy chồng theo chồng), "phu xướng, phụ tuỳ" (chồng nói, vợ theo). Một nhà nho như Tú Xương dám sòng phẳng với bản thân, với cuộc đời, dám

(1) Xuân Diệu, *Thơ Trần Tế Xương*, Ti Văn hóa Nam Hà xuất bản, 1970.

tự thừa nhận mình là "quan ăn lương vợ", không những đã biết nhận ra thiếu sót, mà còn dám tự nhận khiếm khuyết. Một con người như thế là một nhân cách đẹp.

* Lời chửi trong hai câu kết là lời Tú Xương tự rửa mát mình nhưng lại mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Ông chửi "thói đời" bạc bẽo, vì thói đời là một nguyên nhân sâu xa khiến bà Tú phải khổ. Từ hoàn cảnh riêng, tác giả lên án thói đời bạc bẽo nói chung.

d) Củng cố bài học

– Về nội dung : Tình thương yêu, quý trọng vợ của Tú Xương thể hiện qua sự thấu hiểu nỗi vất vả gian truân và những đức tính cao đẹp của bà Tú. Qua bài thơ, người đọc không những thấy hình ảnh bà Tú mà còn thấy được những tâm sự và vẻ đẹp nhân cách Tú Xương.

– Về nghệ thuật : Từ ngữ giản dị, giàu sức biểu cảm, vận dụng sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ văn học dân gian (hình ảnh thân cò lặn lội, sử dụng nhiều thành ngữ), ngôn ngữ đời sống (cách nói khẩu ngữ, sử dụng tiếng chửi).

– Từ hình ảnh bà Tú trong bài thơ, liên hệ mở rộng để HS thấy được nét đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra, đánh giá khả năng hiểu bài của HS bằng các câu hỏi :

– Cảm nhận của anh (chị) về hình ảnh bà Tú qua bài thơ ? Vì sao có thể nói : Tình thương vợ sâu nặng của Tú Xương thể hiện qua sự thấu hiểu nỗi vất vả gian truân và những đức tính cao đẹp của bà Tú ?

– Anh (chị) có cảm nhận như thế nào về con người Tú Xương qua bài *Thuong vợ* ?

2. Gợi ý giải bài tập

Phân tích sự vận dụng sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ văn học dân gian trong bài thơ :

– Vận dụng hình ảnh :

+ Hình ảnh con cò trong ca dao nhiều khi nói về thân phận người phụ nữ lam lũ, vất vả, chịu thương, chịu khó : "Con cò lặn lội bờ sông – Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non" ; thân phận người lao động với nhiều bất trắc, thua thiệt : "Con cò mày đi ăn đêm – Đậu phải càنه mềm lộn cổ xuống ao..." .

+ Hình ảnh con cò trong bài *Thuong vợ* nói về bà Tú có phần xót xa, tội nghiệp hơn hình ảnh con cò trong ca dao. Con cò trong ca dao xuất hiện giữa cái rợn ngợp của không gian, con cò trong thơ Tú Xương ở giữa sự rợn ngợp của cả không gian và

thời gian. Chỉ bằng ba từ "khi quāng vắng", tác giả đã nói lên được cả thời gian, không gian heo hút, chúa đầy lo âu, nguy hiểm. Cách thay *con cò* bằng *thân cò* càng nhấn mạnh nỗi vất vả, gian truân của bà Tú và gọi nỗi đau thân phận.

– Vận dụng từ ngữ :

Thành ngữ "năm nắng mười mưa" được vận dụng sáng tạo : *nắng, mưa* chỉ sự vất vả, *năm, mười* là số lượng phiếm chỉ, để nói số nhiều, được tách ra tạo nên một thành ngữ chéo, vừa nói lên sự vất vả gian truân, vừa thể hiện được đức tính chịu thương chịu khó, hết lòng vì chồng, vì con của bà Tú.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Tế Xương – *Về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.
2. Lã Nhâm Thìn, *Bình giảng thơ Nôm Đường luật*, Sđd. (Phản bình giảng bài *Thương vợ*.)